TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 43/2020/QĐST-HNGĐ	*M, ngày 04 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 212; Điều 213; Điều 396; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng Dân sự, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

-Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Ngô Thị Y**, sinh năm: 1981
- Anh **Nguyễn Trọng S**, sinh năm: 1975

Đều có địa chỉ: Khu x, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân : Chị Ngô Thị Y và anh Nguyễn Trọng S là vợ chồng hợp pháp và có đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh H. Do mâu thuẫn vợ chồng từ đầu năm 2019 nên ngày 10/3/2020 chị Y và anh S đều có yêu cầu đề nghị Tòa án công nhận việc anh chị thuận tình ly hôn , thỏa thuận nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành chị Y và anh S vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn , thỏa thuận nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn cuả anh chị là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật , không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình , công nhận việc chị Ngô Thị Y và anh Nguyễn Trọng S thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Chị Y và anh S có 02 (hai) con chung là Nguyễn Trọng D sinh ngày 05/8/2000 và Nguyễn Thị Gi sinh ngày 03/10/2003. Con lớn đã đủ tuổi thành niên nên chị Y và anh S đều không có đề nghị gì nên không đề cập. Đối với con chung Nguyễn Thị Gi cả chị Y, anh S đều có quan điểm để chị Y là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ

tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh S không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị Y. Phù hợp với nguyện vọng của cháu Gi muốn được mẹ là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn.

[3]. Về tài sản chung:

Chị Y và anh S thống nhất có tài sản chung như sau: 01 ngôi nhà 03 tầng có diện tích sàn 1 tầng khoảng 120m2 gắn liền với quyền sử dụng 160m2 đất tại khu x, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI231194, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00989 do UBND thành phố M cấp ngày 18/01/2012 mang tên bà Nguyễn Thị Th (thửa đất này anh chị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Th tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 20-quyển số 40 TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng công chứng số 02 tỉnh Quảng Ninh công chứng ngày 16/10/2013. Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước số 0018382, 0018383 ngày 13/11/2013. Hiện thửa đất đã được đăng ký biến động sử dụng đất ngày 18/11/2013 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố M).

Vị trí, tọa độ các đỉnh, độ dài các cạnh của thửa đất như sơ đồ thể hiện tại Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Công ty cổ phần phát triển công nghệ trắc địa Việt Nam chi nhánh tại Quảng Ninh đã xác định tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 25/3/2020.

Chị Y và anh S thống nhất giá trị tài sản, phương thức phân chia và đề nghị Tòa án công nhận như sau:

Giá trị tài sản chung gồm nhà và đất là: 2.400.000.000đ (hai tỷ bốn trăm triệu đồng). Phương thức phân chia như sau: Chị Ngô Thị Y là người được sở hữu gồm đầy đủ các quyền: chiếm hữu, sử dụng, định đoạt đối với toàn bộ tài sản gồm ngôi nhà 03 tầng gắn liền với quyền sử dụng 160m2 đất như nêu trên và có trách nhiệm hoàn tất các hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Y như sơ đồ hiện trạng kèm theo quyết định theo quy định.

Chị Ngô Thị Y có nghĩa vụ thanh toán cho anh S số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng).

[4]. Về khoản nợ chung: Chị Y và anh S đều thống nhất không có.

[5]. Về lệ phí : Căn cứ khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án , chị Ngô Thị Y và anh Nguyễn Trọng S mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm . Tuy nhiên, chị Y và anh S đã thỏa thuận chị Y tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nên cần chấp nhận.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật , không trai đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24/4/2020, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Ngô Thị Y và anh Nguyễn Trọng S thống nhất thuận tình ly hôn.

Do công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Y và anh S nên Giấy chứng nhận kết hôn số 18 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh H cấp ngày 03/3/1999 không còn giá trị pháp lý

- **Về con chung**: Chị Ngô Thị Y là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Gi, sinh ngày 03/10/2003 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh S không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị Y và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Cong chung Nguyễn Trọng D sinh ngày 05/8/2000 đã đủ tuổi thành niên nên không đề cập.

Các đương sự có mọi quyền và nghĩavụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích của con chung , các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung:

Chị Ngô Thị Y được quyền sở hữu (gồm đầy đủ các quyền: chiếm hữu, sử dụng, định đoạt) đối với toàn bộ tài sản chung là 01 ngôi nhà 03 tầng có diện tích sàn 1 tầng khoảng 120m2 gắn liền với quyền sử dụng 160m2 đất tại khu 3, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh [có giá trị 2.400.000.000đ, (hai tỷ bốn trăm triệu đồng)]. Đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI231194, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00989 do UBND thành phố M cấp ngày 18/01/2012 mang tên bà Nguyễn Thị Th (thửa đất này anh chị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Th tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 20-quyển số 40 TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng công chứng số 02 tỉnh Quảng Ninh công chứng ngày 16/10/2013. Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước số 0018382, 0018383 ngày 13/11/2013. Hiện thửa đất đã được đăng ký biến động sử dụng đất ngày 18/11/2013 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố M).

Vị trí, tọa độ các đỉnh, độ dài các cạnh của thửa đất như sơ đồ thể hiện tại Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng của Công ty cổ phần phát triển công nghệ trắc địa Việt Nam chi nhánh tại Quảng Ninh đã xác định tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 25/3/2020.

Chị Y có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoàn tất thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Y như sơ đồ hiện trạng kèm theo quyết định này theo quy định.

Chị Ngô Thị Y có nghĩa vụ thanh toán cho anh S số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng).

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật và anh Nguyễn Trọng S có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Ngô Thị Y chậm trả cho anh S đối với số tiền nêu trên khi đến hạn thì chị Y phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về khoản nợ chung: Các đương sự thống nhất không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Ngô Thị Y tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Y đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố M theo Biên lai thu tiền số 0000196 ngày 16/3/2020. Chị Y đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố M;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã B, huyện T, tỉnh Hải Dương;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Vũ Thị Thanh Phương